

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 21-7-2022

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thực

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Cảnh

bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1988; địa chỉ: số 5/15B khu phố 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: anh Trương Minh T, sinh năm 1988; địa chỉ: số 235/3 ấp Bình Lương 2, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Trương Minh T chung sống năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 08/9/2015. Do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, chị và anh T không còn chung sống từ

tháng 6/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Minh T.

Chị và anh có 01 con chung tên Trương Nguyễn Thiên A, sinh ngày 14/8/2016, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về nợ chung, tài sản chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Minh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Huyền T về tình trạng hôn nhân, thời gian chung sống, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh bị áp lực về công việc, tiền bạc cùng với bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con nên dẫn đến anh và chị T thường xuyên cãi vã. Tháng 6/2020, chị T đưa con về nhà mẹ ruột ở, anh nhiều lần mong muốn được hàn gắn tình cảm, không đồng ý ly hôn với chị T do còn thương vợ con. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh T giao con tên Trương Nguyễn Thiên A cho chị T nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về nợ chung, tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã xử:

“Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T về việc xin ly hôn với anh Trương Minh T”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/4/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T kháng cáo yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Huyền T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý nhưng không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng chấp nhận kháng cáo của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Trương Minh T. Con chung giao chị T nuôi, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt của bị đơn anh Trương Minh T thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

Về nội dung kháng cáo của chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh T.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện: anh T thừa nhận có hành vi bạo hành đối với chị T, thực tế anh chị đã không còn chung sống hơn hai năm. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra giải pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, trong khi chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị T về việc giao con chung tên là Trương Nguyễn Thiên A, sinh ngày 14/8/2016, cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn; anh T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: chị T không phải chịu án phí do kháng cáo được chấp nhận.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
2. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Huyền T.

3. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

4. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T đối với anh Trương Minh T về việc “ly hôn”.

6. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Trương Minh T.

7. Về con chung: chị Nguyễn Thị Huyền T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trương Nguyễn Thiên A, sinh ngày 14/8/2016 (ngày mười bốn – tháng tám – năm hai nghìn không trăm mười sáu).

8. Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con tên Trương Nguyễn Thiên A mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi người con chung này đủ 18 tuổi.

9. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn:

9.1. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

9.2. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

10. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

11. Về án phí dân sự sơ thẩm:

11.1. Buộc chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002235 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để thi hành.

11.2. Buộc anh Trương Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sung công quỹ Nhà nước.

12. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Huyền T không phải chịu và được hoàn trả số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại

biên lai thu số 0002369 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

13. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

14. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 21/7/2022 (ngày hai mươi một tháng bảy năm hai nghìn không trăm hai mươi hai)/.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh Huỳnh Thị Hồng Vân

Phan Ngọc Hoàng Đình Thực